

## BÁO CÁO

### Tình hình thực hiện nhiệm vụ tháng 8 và kế hoạch tháng 9 năm 2015

Tháng 8, tình hình sản xuất nông, lâm, thủy sản có một số thuận lợi cơ bản: Thời tiết, khí hậu tương đối thuận lợi; bệnh trên cây trồng và thủy sản không đáng kể; công tác tập huấn, chuyên giao khoa học kỹ thuật, tư vấn trực tiếp được tăng cường, nông dân tiếp thu và áp dụng trong sản xuất góp phần tăng năng suất và chất lượng sản phẩm nông sản. Tuy nhiên, cũng gặp không ít khó khăn như bệnh cúm gia cầm xảy ra tại huyện Càng Long; giá cả các loại vật tư đầu vào tiếp tục đứng ở mức cao, trong khi giá đầu ra của một số nông, thủy sản như dứa khô, lúa, tôm sú ở mức thấp. Nhưng được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự hỗ trợ của các ngành, các cấp và địa phương, đặc biệt là sự nỗ lực vượt khó của người dân nên nhìn chung sản xuất có bước phát triển, các công tác chuyên môn tiếp tục thực hiện thuận lợi và đạt được theo kế hoạch đề ra. Kết quả cụ thể như sau:

#### I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

##### 1. Sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn:

###### a) Nông nghiệp:

- Trồng trọt:

+ Cây lúa:

++ Vụ Hè Thu: Thu hoạch 10.764 ha, nâng tổng diện tích thu hoạch vụ này đến nay 19.574 ha, đạt 25,4% diện tích xuống giống, năng suất trung bình 5,43 tấn/ha (cao hơn cùng kỳ 0,13 tấn/ha).

++ Vụ Thu Đông – mùa: Xuống giống 12.684 ha tại các huyện Càng Long, Cầu Kè, nâng tổng diện tích vụ này đến nay 13.499 ha, thấp hơn cùng kỳ 3.057 ha, hiện đang trong giai đoạn mạ đến đẻ nhánh.

*Nhìn chung, công tác khuyến nông được tăng cường, diện tích sản xuất lúa áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới được mở rộng và công tác dự tính dự báo sâu bệnh được thực hiện thường xuyên nên sâu bệnh gây hại không đáng kể, từ đó góp phần tăng năng suất, sản lượng và chất lượng lúa gạo.*

+ Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 3.277 ha, nâng tổng diện tích gieo trồng đến nay 44.495 ha (vụ mùa 15.228 ha), đạt 69,7% kế hoạch cả năm, cao hơn cùng kỳ 264 ha, cụ thể: Màu lương thực 6.612 ha, màu thực phẩm 24.064 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 13.820 ha. Thực hiện 02 mô hình cánh đồng mẫu trên cây mía tại xã Lưu

Nghiệp Anh và xã Kim Sơn huyện Trà Cú, diện tích 44,65 ha (68 hộ), hiện mía đang trong giai đoạn 4,5 - 5 tháng tuổi, phát triển bình thường.

+ Công tác sản xuất, cung ứng giống: Vụ hè thu, tổ chức liên kết sản xuất và nhân giống lúa cấp xác nhận, diện tích 55,4 ha, hiện đang chín, thu hoạch; vụ thu đông sản xuất 6,6 ha (giống OM 5451) cấp xác nhận 1; nhân giống bưởi da xanh xen dừa, diện tích 06 ha; thực hiện 02 mô hình nhân giống gà, quy mô 500 con/mô hình, đã tuyển chọn được 420 con gà mái, hiện đang phát triển bình thường, được 4 tháng tuổi. Cung ứng 5,1 tấn lúa giống, 1.974 cây giống các loại; nâng tổng số đến nay cung ứng 59,3 tấn lúa giống, 6.280 cây giống các loại.

+ Kế hoạch phòng chống và kiểm soát dịch bệnh trên cây trồng: Kiểm tra thực tế ngoài đồng ruộng, theo dõi và hướng dẫn nông dân phòng trừ các đối tượng gây hại như: bệnh bạc lá, bệnh đạo ôn, lem lép hạt trên lúa tại các huyện Châu Thành, Tiểu Cần, Cầu Kè. Thực hiện 03 mô hình phòng trừ chồi rồng trên cây nhãn với diện tích 07 ha tại huyện Cầu Kè, Tiểu Cần, đã ra hoa và tỉ lệ nhiễm bệnh chồi rồng giảm còn 10-15%; tiếp tục hướng dẫn nông dân bón phân, phun thuốc theo quy trình và cắt tỉa những chồi nhiễm bệnh.

- Chăn nuôi:

+ Trong tháng phát sinh dịch cúm gia cầm tại 3 hộ chăn nuôi của ấp Dừa Đỏ, xã Nhị Long Phú và ấp Tân Trung, xã Đại Phước, huyện Càng Long, với tổng đàn gia cầm 2.178 con (2.010 con gà và 168 con vịt); đã tiêu hủy ngay sau có kết quả xét nghiệm; Chi cục Thú y đã tập trung thực hiện các biện pháp phòng, chống không để bệnh lây lan sang diện rộng nên từ ngày 19/8 đến nay, không có trường hợp phát sinh mới. Các loại dịch bệnh nguy hiểm khác như LMLM, tai xanh trên heo tiếp tục được kiểm soát; các loại bệnh khác xảy ra quy mô nhỏ lẻ, gây hại không đáng kể.

+ Thực hiện tiêm phòng các bệnh thường xuyên 123.627 con gia súc; tiêm phòng đại chó mèo 278 con; tiêm phòng các loại khác 86.067 con; kiểm dịch 29.435 con gia súc, 300.103 con gia cầm các loại, 121 tấn thịt và 1,94 triệu quả trứng. Nâng tổng số đến nay, tiêm phòng cúm gia cầm 2,64 triệu con (899 ngàn con gà, đạt 32,3% so tổng đàn; 1,7 triệu con vịt, đạt 98,7% so tổng đàn); tiêm phòng LMLM gia súc 70.812 con (trâu, bò 55.553 con, đạt 100% so kế hoạch; heo nái và heo đực giống 7.387 con, đạt 30% so kế hoạch; dê, cừu 1.508 con); tiêm phòng các bệnh thường xuyên 705.911 con gia súc (dịch tả 245.286 con; tụ huyết trùng 229.041 con và phó thương hàn 231.584 con); tiêm phòng đại chó, mèo 4.806 con, đạt 80% so kế hoạch; tiêm phòng các loại khác 944.283 con; kiểm dịch 94.934 con gia súc, 17,8 triệu con gia cầm các loại, 540 tấn thịt, 16,9 triệu quả trứng; sử dụng 8.578 lít thuốc, tiêu độc khử trùng với tổng diện tích trên 13,4 triệu m<sup>2</sup> của 259.863 lượt hộ chăn nuôi.

b) Lâm nghiệp:

- Xây dựng Phương án trồng rừng thay thế thuộc 02 dự án Trung tâm điện lực Duyên Hải và Luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào Sông Hậu; thực hiện mô hình trồng bản thử nghiệm khu vực Cồn Vượt xã Hiệp Thạnh, huyện Duyên Hải, diện tích 0,3 ha; tổ chức trồng 9.800 cây lâm nghiệp phân tán, đạt 10,8% kế hoạch; tổ chức trồng 3,5 ha rừng tại xã Long Vĩnh, huyện Duyên Hải. Kiểm tra

khu vực rừng đước tại xã Long Khánh, kết quả có 1.196 cây chết, chiều cao trung bình 9,8 m; đường kính trung bình 16 cm. Nguyên nhân, do sâu bệnh, bị ngập úng, ú phèn, lá rụng gây ra hiện tượng yêm khí.

- Cấp 04 giấy phép vận chuyển động vật hoang dã; thực hiện 74 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện 02 trường hợp vi phạm. Nâng tổng số đến nay, cấp 08 giấy nuôi động vật hoang dã, 31 giấy phép vận chuyển động vật rừng; thực hiện 502 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện 09 trường hợp vi phạm, đơn vị chuyên môn đã tiến hành xử lý theo quy định.

### c) Thủy sản:

- Nuôi trồng: Thả nuôi 3.040 ha, sản lượng thu hoạch 8.000 tấn. Nâng tổng diện tích thả nuôi đến nay 37.439 ha, sản lượng thu hoạch 51.234 tấn (cá lóc 16.548 tấn, tôm thẻ chân trắng 11.676 tấn, tôm sú 8.049 tấn, cá tra 2.334 tấn, còn lại là các loại khác), đạt 42% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 22.229 tấn, cụ thể:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 167 triệu con tôm sú giống, diện tích 527 ha; 501 triệu con tôm thẻ chân trắng, diện tích 809 ha; 13,4 triệu con cua biển, diện tích 549 ha; thu hoạch 5.039 tấn. Lũy kế đến nay thả nuôi 1,97 tỷ con tôm sú giống, diện tích 19.125 ha; 2,28 tỷ con giống tôm chân trắng, diện tích 4.139 ha; 106 triệu con cua biển giống, diện tích 11.454 ha; 170 tấn nghêu giống, diện tích 25 ha; thu hoạch 24.227 tấn, đạt 42,9% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 10.476 tấn. Theo số liệu thống kê của ngành có 449,9 triệu con giống tôm sú bị thiệt hại (chiếm 22,7%), diện tích 4.242 ha (chiếm 22%); 513 triệu con giống tôm thẻ chân trắng bị thiệt hại (chiếm 22,5%), diện tích 959 ha (chiếm 23,2%). Nguyên nhân, do thời tiết diễn biến khá phức tạp, nắng nóng kéo dài, nhiệt độ tăng cao, môi trường ao nuôi biến động làm ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi như gây bệnh hoại tử, gan tụy và một số bệnh như phân trắng, đường ruột.

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 54 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 1.179 ha; thu hoạch 2.961 tấn. Lũy kế đến nay thả nuôi 183 triệu con giống các loại, diện tích 2.695 ha (tôm càng xanh 21,8 triệu con giống, diện tích 811 ha; cá lóc 83,6 triệu con giống, diện tích 192 ha; còn lại là các loại cá khác); sản lượng thu hoạch 27.007 tấn, đạt 41,2% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 11.753 tấn.

- Khai thác: Hiện nay, tổng số tàu đăng ký toàn tỉnh là 1.193 tàu (tổng công suất 83.619 cv). Trong đó, 194 tàu có công suất trên 90 cv. Sản lượng khai thác trong tháng 3.563 tấn (925 tấn tôm), nâng tổng sản lượng khai thác đến nay 48.404 tấn (8.587 tấn tôm), đạt 58,3% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 4.470 tấn, gồm:

+ Khai thác nội đồng: 583,6 tấn (169 tấn tôm). Lũy kế đến nay 7.222 tấn (2.635 tấn tôm), đạt 49,8% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 1.635 tấn.

+ Khai thác hải sản: 2.979 tấn (757 tấn tôm). Lũy kế đến nay 41.182 tấn (5.952 tấn tôm), đạt 60% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 2.835 tấn.

- Thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 1.350 tấn thủy sản (tôm sú 321 tấn, tôm thẻ 358 tấn), chế biến 729 tấn, tiêu thụ 569 tấn, kim ngạch xuất khẩu 3,2 triệu USD. Nâng tổng số đến nay thu mua 8.426 tấn thủy sản (tôm sú 1.288 tấn, tôm thẻ 2.732 tấn), chế biến 4.890 tấn, tiêu thụ 3.723 tấn, kim ngạch xuất khẩu 18,8 triệu USD.

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho khoảng 2.186 lượt nông dân về quy phạm thực hành nuôi thủy sản tốt, để định hướng và tạo cho nông dân quen dần với các quy định mới, tạo ra sản phẩm an toàn.

- Kiểm dịch 586 triệu con tôm sú giống, 1.089 triệu con tôm thẻ chân trắng, cấp 785 giấy chứng nhận kiểm dịch động vật thủy sản; kiểm tra vệ sinh thú y 106 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống, cấp 17 giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y thủy sản, 72 chứng chỉ hành nghề thú y thủy sản, 76 giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc thú y thủy sản; thực hiện 81 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước; thu 122 mẫu giáp xác phục vụ nuôi thủy sản, kết quả 29 mẫu nhiễm virus đốm trắng.

- Công tác giống: Thực hiện 04 mô hình, gồm sản xuất giống lươn đồng bằng phương pháp bán nhân tạo, ương cua biển nhân tạo từ giai đoạn cua tiêu lên cua me trong giai lưới, sản xuất giống cá rô phi đã qua chọn lọc bằng phương pháp xử lý đơn tính, sinh sản và ương giống cá sặc rằn. Sản xuất 1,68 triệu con tôm càng xanh toàn đực, 0,4 triệu con cá lóc giống. Cung ứng và giới thiệu địa chỉ uy tín cho người nuôi được 06 triệu con post tôm sú, 2,9 triệu con tôm thẻ chân trắng, 0,9 triệu con cá lóc giống, 0,5 triệu con cua biển giống.

- Chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP: Trình UBND tỉnh phê duyệt 91 trường hợp xin hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm thân tàu và 103 trường hợp xin hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm thuyền viên. Theo báo cáo của Ngân hàng nhà nước tỉnh đến nay tiếp nhận được 05 hồ sơ xin vay vốn để đóng mới tàu cá, đã thẩm định 02 hồ sơ đủ điều kiện vay vốn, 03 hồ sơ còn lại chưa đủ điều kiện.

*Nhìn chung, trong tháng giá thương phẩm cá lóc, tôm sú, tôm chân trắng giảm so với tháng trước. Thời tiết khá ổn định, nhiệt độ chênh lệch ngày và đêm không cao, là điều kiện thuận lợi để người dân tiếp tục thả nuôi các loại thủy sản. Tuy nhiên, diện tích thả nuôi tôm không cao, do người dân thả nuôi rải vụ, chờ giá tăng; tình hình thiệt hại xảy ra rải rác ở một số nơi nhưng giảm so với tháng trước; nguyên nhân, chủ yếu do những cơn mưa kéo dài làm môi trường ao nuôi biến động ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi dẫn đến thiệt hại. Tôm chết do bệnh gan tụy, phân trắng, ... Sản lượng khai thác đạt thấp so với tháng trước, nguyên nhân do chi phí phục vụ chuyển đi biển cao, khai thác sản lượng không nhiều, một số tàu nằm bờ nên sản lượng giảm.*

#### e) Phát triển nông thôn:

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

+ Công tác tuyên truyền: Tổ chức 633 cuộc tuyên truyền, vận động 18.770 lượt người tham dự. Nâng tổng số đến nay tổ chức 2.636 cuộc tuyên truyền lồng ghép về các tiêu chuẩn ấp, hộ nông thôn mới, kế hoạch thực hiện các tiêu chí nông thôn mới, vận động tham gia bảo hiểm y tế, vệ sinh môi trường, triển khai các tài liệu tuyên truyền, tài liệu hỏi - đáp về nông thôn mới cho 81.339 lượt người là hộ dân và đoàn thể.

+ Kết quả thực hiện nguồn vốn:

++ Vốn sự nghiệp: 4.900 triệu đồng (vốn ngân sách 2.820 triệu đồng, vốn dân 600 triệu đồng, vốn khác 1.480 triệu đồng) thực hiện công tác tuyên truyền, hỗ trợ phát triển sản xuất cho 17 xã điểm. Đến nay, có 17/17 xã đã triển khai thực hiện, giải ngân 13 mô hình, kinh phí 2.158 triệu đồng, đạt 76,47% kế hoạch.

++ Nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ: 68.000 triệu đồng, hỗ trợ cho 34 xã. Đến nay, đã giải ngân được 19.763 triệu đồng, đạt 29,1% so với kế hoạch.

++ Nguồn vốn ngân sách tỉnh: 17.000 triệu đồng, phân bổ cho 11 xã, gồm Nhị Long Phú, Hòa Minh, Tân Hùng, Hiếu Trung, Tập Ngãi, Hiệp Mỹ Đông, Kim Hòa, Ninh Thới, Châu Điền, Ngọc Biên và Long Hữu. Đến nay, các xã đã giải ngân được 2.867,18 triệu đồng, đạt 16,86% kế hoạch.

+ Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí về nông thôn mới đối với 85 xã: Có 15 xã đạt 19/19 tiêu chí; 07 xã đạt từ 15-18 tiêu chí, 37 xã đạt 10-14 tiêu chí; 26 xã đạt từ 5-9 tiêu chí.

*Tóm lại, công tác xây dựng nông thôn mới được các ngành, các cấp quan tâm chỉ đạo, đặc biệt là công tác tuyên truyền nên người dân tích cực hưởng ứng nhất là xây dựng mô hình, tham gia đóng góp xây dựng các công trình.*

- Chương trình bố trí dân cư:

+ Dự án Di dân khẩn cấp vùng ven biển xã Trường Long Hòa: lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu hạng mục đường giao thông nông thôn, hệ thống thoát nước khu dân cư, điện trung thế, hạ thế, trạm biến áp; thương thảo, ký hợp đồng tư vấn lập hồ sơ mời thầu; kiểm tra tiến độ thi công hạng mục san lấp mặt bằng lô 1. Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông bảo vệ 89 hộ dân khu vực thị trấn Tiểu Cần: hoàn thành hồ sơ chuyển nguồn vốn sự nghiệp với số tiền 1.856 triệu đồng thanh toán bồi thường, giải phóng mặt bằng. Dự án Di dân sạt lở áp Cồn Phụng xã Long Hòa, huyện Châu Thành: phối hợp với đơn vị tư vấn thiết kế điều chỉnh hạng mục đường giao thông nông thôn bề rộng mặt đường đôn 2,5m xuống còn 2m và được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận tại Công văn số 2319/UBND-KTHT ngày 22/7/2015.

+ Công tác di dời dân: Phối hợp với UBND xã Trường Long Hòa họp xét duyệt các đối tượng bố trí ổn định dân cư; hoàn thành hồ sơ, thủ tục di dời dân để hướng dẫn thực hiện.

- Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Duyệt báo cáo thiết kế kỹ thuật 01 dự án; tiếp tục thực hiện 07 dự án, khối lượng thực hiện đạt 80%. Lắp đặt cho 1.656 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh, nâng tổng số từ đầu chương trình đến nay lắp đặt cho 76.526 hộ sử dụng nước máy (tăng 6.967 hộ so với đầu năm); giải ngân vốn đầu tư 17,6 tỷ đồng, đạt 86,4% kế hoạch; duy trì hoạt động tại 165 trạm cấp nước, đảm bảo 100% trạm cấp nước hoạt động đạt hiệu quả, thường xuyên duy tu bảo dưỡng các trạm cấp nước, chất lượng nước đạt quy chuẩn Bộ Y tế qui định.

*Nhìn chung, các công trình cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn hoàn thành, phục vụ sinh hoạt cho vùng nông thôn đã góp phần tăng tỷ lệ sử dụng nước hợp vệ sinh trên toàn tỉnh.*

- Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề: Dự thảo Quyết định ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 gửi các Sở, Ban ngành, UBND huyện, thành phố đóng góp; tổ chức khai giảng 05 lớp đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn tại các huyện Tiểu Cần, Trà Cú, Cầu Kè. Nâng tổng số đến nay đã mở 18 lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

## **2. Tình hình thực hiện công tác chuyên ngành:**

a) Tham mưu xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật:

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng ban hành các Quyết định triển khai thực hiện 04 Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh đã phê duyệt trong tháng 7.

- Tham mưu xây dựng Nghị quyết của Hội đồng Nhân dân tỉnh về ban hành quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn thực hiện Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới.

b) Công tác thủy lợi và phòng chống lụt bão:

- Thực hiện 48 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 25.258 m, khối lượng đất đào đắp 101.575 m<sup>3</sup>. Nâng tổng số đến nay thực hiện 426 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 321.433 m, khối lượng đất đào đắp 1,05 triệu m<sup>3</sup>, đạt 76% kế hoạch.

- Dự án Quy hoạch thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, đang chỉnh sửa theo ý kiến đóng góp của Hội đồng thẩm định chuẩn bị trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Tổ chức 16 đợt khảo sát, kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê. Nâng tổng số đến nay tổ chức 117 đợt khảo sát, kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, xử lý 32 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê, buộc khôi phục lại hiện trạng.

- Tiếp tục theo dõi tình hình diễn biến thời tiết và thiên tai, mực nước và độ mặn tại các sông trên địa bàn tỉnh để xử lý kịp thời; hướng dẫn, đôn đốc các địa phương hoàn chỉnh Kế hoạch phòng chống thiên tai.

c) Công tác xây dựng cơ bản: Triển khai thực hiện 16 dự án, trong đó 04 dự án khởi công mới, 12 dự án chuyên tiếp, gồm 09 công trình phục vụ nuôi trồng thủy sản; 05 công trình đê, kè; 02 công trình dân dụng. Kết quả giải ngân đến nay 192,2 tỷ đồng đạt 63,3% kế hoạch cả năm.

d) Công tác đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất:

- Tổ hợp tác (THT): Tổ chức 04 lớp tập huấn thành lập mới THT trên địa bàn huyện Càng Long, Châu Thành. Nâng tổng số đến nay được 19/22 lớp, đạt 86,36% kế hoạch.

- Hợp tác xã (HTX): Làm việc với HTX Thành Công xã Ngọc Biên, huyện Trà Cú về việc đánh giá thực trạng HTX so với bộ tiêu chí mô hình HTX nông nghiệp để xây dựng kế hoạch mô hình HTX điểm nông nghiệp kiểu mới; hỗ trợ HTX phường 7, thành phố Trà Vinh và HTX rau màu Long Hữu, thị xã Duyên Hải hoàn thành hồ sơ, thủ tục thành lập mới để tổ chức đại hội. Triển khai 01 lớp

tập huấn thành lập HTX và 01 lớp củng cố HTX. Nâng tổng số đến nay tổ chức được 6 lớp thành lập HTX (3 lớp củng cố).

e) Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) và quản lý tàu cá:

- Vệ sinh an toàn thực phẩm: Thanh tra, kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm (ATTP) đối với 60 lượt cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản, thủy sản và tàu cá, cấp 16 giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm; đánh giá phân loại 88 tàu cá, cơ sở giết mổ động vật, sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, thủy sản, cơ sở sản xuất nông sản và muối; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 45 mẫu (42 mẫu thủy sản). Nâng tổng số đến nay thanh tra, kiểm tra điều kiện đảm bảo ATTP đối với 321 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản, thủy sản và tàu cá, cấp 78 giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, 101 giấy xác nhận kiến thức ATTP; đánh giá phân loại 541 tàu cá, cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, thức ăn thủy sản, thuốc BVTV, chế biến nông sản, thủy sản, xay xát lúa gạo, giết mổ gia súc kết quả xếp loại có 178 loại A, 206 loại B, 109 loại C, 48 cơ sở, tàu cá ngưng hoạt động; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 400 mẫu (86 mẫu nông sản, 314 mẫu thủy sản).

- Quản lý tàu cá, cảng cá:

+ Kiểm tra an toàn kỹ thuật 64 tàu (02 tàu ngoài tỉnh), đăng ký 13 tàu, xóa bộ 03 tàu; cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán tàu cá 15 trường hợp, cấp 17 sổ danh bạ (68 thuyền viên), cấp 47 giấy phép khai thác thủy sản, 07 giấy chứng nhận, xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác xuất khẩu vào EU. Nâng tổng số đến nay kiểm tra an toàn kỹ thuật 425 tàu (17 tàu ngoài tỉnh), đăng ký 77 tàu, xóa bộ 32 tàu; cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán tàu cá 54 trường hợp, cấp 185 sổ danh bạ (785 thuyền viên), cấp 359 giấy phép khai thác thủy sản, 138 giấy chứng nhận, xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác xuất khẩu vào EU.

+ Tổ chức thu phí 1.014 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 1.156 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 97 triệu đồng. Nâng tổng số đến nay thu phí 10.177 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 10.132 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 518 triệu đồng.

f) Thanh tra, kiểm tra:

- Tuyên truyền pháp luật: Tổ chức 26 lớp tuyên truyền, phổ biến Luật Thủy sản, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, quy phạm thực hành nuôi thủy sản tốt (VietGAP) cho 702 lượt người. Nâng tổng số đến nay tổ chức 161 lớp tuyên truyền, phổ biến Luật Thủy sản, Nghị định số 67/2014/NĐ-CP về một số chính sách phát triển thủy sản, các quy định về an toàn thực phẩm nông sản, thủy sản, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, kinh doanh thuốc, thức ăn thủy sản, giống thủy sản, hóa chất, chế phẩm dùng trong nuôi thủy sản, quy phạm thực hành nuôi thủy sản tốt (VietGAP) cho 5.342 lượt người.

- Kiểm tra xử lý vi phạm: Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lĩnh vực thú y thủy sản và giống thủy sản, kinh doanh thức ăn chăn nuôi, vệ sinh an toàn thực phẩm đối với 179 phương tiện vận chuyển giống thủy sản, 25 cơ sở; thu, phân tích 27 mẫu thức ăn thủy sản, chăn nuôi; xử lý

23 trường hợp vi phạm. Nâng tổng số đến nay thanh tra, kiểm tra 579 tổ chức, cá nhân và phương tiện khai thác thủy sản về việc chấp hành các quy định của pháp luật; thu 103 mẫu thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, thuốc BVTV, phân bón, giống lúa, nguyên liệu thủy sản để kiểm tra chất lượng; xử lý 65 trường hợp vi phạm.

g) Công tác phát triển khoa học công nghệ và khuyến nông:

- Thực hiện khảo nghiệm 03 bộ giống lúa ( $A_0$ ,  $A_1$  và Trà Vinh), diện tích 0,2 ha, hiện đang trong giai đoạn chín; khảo nghiệm bưởi da xanh trồng xen dừa, diện tích 0,7 ha, đang phát triển tốt.

- Nghiệm thu mô hình ương cua tiêu lên cua mẹ trong giai lưới thu được 11,6 ngàn con cua mẹ; thực hiện mô hình sinh sản và ương giống cá sặc rằn với số lượng 600 ngàn con, cá 62 ngày tuổi, phát triển bình thường; tiếp nhận công nghệ sản xuất giống lươn, nghiệm thu kết thúc mô hình thu được 25 ngàn con lươn giống; chuyển giao kỹ thuật sản xuất giống cá lóc cho các 20 hộ dân xã Nhị Long, huyện Càng Long, số lượng 81 ngàn con (1.000 con/kg), tỉ lệ sống đạt 40,5%.

- Tổ chức 56 lớp tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật canh tác lúa chất lượng cao, trồng rau màu, trồng mía, cây có múi, chăn nuôi bò vỗ béo, chăn nuôi bò, heo nái sinh sản, chăn nuôi heo, gà sử dụng đệm lót sinh học, kỹ thuật chăm sóc tôm sú, thẻ chân trắng trong cho 1.637 lượt người dự; phân công cán bộ kỹ thuật trực tiếp tư vấn cho 2.486 lượt hộ. Nâng tổng số đến nay tổ chức 234 lớp tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, nuôi thủy sản và tuyên truyền xây dựng công trình khí sinh học cho 6.763 lượt người (trồng trọt 1.594 người, chăn nuôi 1.644 người, thủy sản 2.981 người, khí sinh học 544 người); phân công cán bộ kỹ thuật trực tiếp tư vấn cho 7.895 lượt hộ (trồng trọt 2.327 lượt hộ; chăn nuôi 865 lượt hộ; thủy sản 4.703 lượt hộ).

- Kết hợp với các Đài Phát thanh Truyền hình Trà Vinh thực hiện 01 chuyên mục “Quản lý tôm giai đoạn mùa mưa” và 01 cuộc tọa đàm “Chăn nuôi vịt biển thích ứng với biến đổi khí hậu”, cấp phát 66 ngàn tờ bướm. Nâng tổng số đến nay thực hiện 09 chuyên mục, 02 cuộc phóng sự, 05 bản tin thời sự và 02 cuộc tọa đàm; cấp phát 1.000 tờ tin khuyến nông, 110 ngàn tờ bướm, 150 sổ tay khuyến nông, 235 quyển tài liệu kỹ thuật, 44 bộ tranh công cụ, 950 bộ tài liệu và 48 đĩa kỹ thuật các loại.

- Xây dựng 15 công trình khí sinh học theo Dự án Khí sinh học. Nâng tổng số đến nay xây dựng được 180 công trình, góp phần giảm ô nhiễm môi trường và tạo ra chất đốt phục vụ sinh hoạt gia đình.

- Thực hiện các mô hình trình diễn về trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản như: Trồng thanh long ruột tím hồng; trồng lan cắt cành; nuôi kết hợp tôm sú – cá rô phi; nuôi tôm thẻ, tôm sú theo tiêu chuẩn VietGAP; nuôi hàu treo giàn bè trên sông; chăn nuôi heo trên đệm lót sinh học có bổ sung men vi sinh hoạt tính trong thức ăn; chăn nuôi vịt biển thích ứng với biến đổi khí hậu.

h) Công tác khác:

- Tổng hợp hoàn chỉnh các báo cáo: Phân bổ và sử dụng kinh phí khắc phục hậu quả hạn hán, xâm nhập mặn năm 2014, vụ Đông Xuân năm 2015; sơ kết 2 năm thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.



- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và phát triển bền vững rừng phòng hộ tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2015-2020.

- Tổ chức lấy ý kiến góp ý trong ngành dự thảo Nghị quyết Hội đồng Nhân dân tỉnh về ban hành quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn thực hiện Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới.

## **II. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN**

### **1. Tồn tại, hạn chế:**

- Bệnh cúm gia cầm xảy ra tại 02 xã của huyện Càng Long

- Số lượng tàu năm bờ tăng, sản lượng khai thác thủy, hải sản giảm so với cùng kỳ.

- Việc thực hiện liên kết giữa sản xuất với chế biến và tiêu thụ nông sản nhằm nâng cao giá trị sản phẩm hàng hóa còn hạn chế.

- Triển khai thực hiện tái cơ cấu ngành gặp khó khăn và tiến độ xây dựng kế hoạch thực hiện tái cơ cấu một số lĩnh vực còn chậm.

- Việc chuyển đổi từ đất lúa kém hiệu quả sang trồng màu và kết hợp nuôi thủy sản ở một số địa phương còn chậm.

- Công tác triển khai lập mới, rà soát quy hoạch một số lĩnh vực của ngành còn chậm.

### **2. Nguyên nhân:**

- Dịch bệnh trong chăn nuôi luôn tiềm ẩn do chăn nuôi của tỉnh chủ yếu là nhỏ, lẻ nên gặp khó trong công tác phòng, chống dịch; giao thông ngày càng phát triển, nên việc vận chuyển động vật xuất – nhập tỉnh ngày càng phức tạp và khó kiểm soát.

- Giá cả nguyên, nhiên vật liệu phục vụ khai thác thủy sản đứng ở mức cao, sản lượng tôm, cá gần bờ giảm, ngư dân khai thác không có hiệu quả nên hạn chế ra khơi.

- Việc nâng cao giá trị sản phẩm nông sản còn hạn chế do công tác bảo quản sau thu hoạch, sơ chế, chế biến chưa được quan tâm đầu tư đúng mức.

- Việc phối hợp giữa các ngành, các cấp và địa phương chưa thật sự chặt chẽ, phần nào gây khó khăn đến việc thực hiện tái cơ cấu ngành.

- Giá thành nuôi cá tra cao hơn giá bán cá thương phẩm, bên cạnh đó không có thị trường tiêu thụ ổn định, nên nông dân treo ao hoặc chuyển sang nuôi các đối tượng khác.

- Năng lực của ngành còn hạn chế, không đủ khả năng lập mới, rà soát quy hoạch, phải thuê các Viện, Trường và phải tuân các trình tự thủ tục.

## **III. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC THÁNG 9 NĂM 2015**

### **1. Sản xuất nông, lâm, thủy sản và phát triển nông thôn:**

#### **a) Nông nghiệp:**

- Trồng trọt:

+ Cây lúa: Tập trung hướng dẫn nông dân chăm sóc, bảo vệ diện tích lúa Hè Thu còn lại trên đồng; tuyên truyền, vận động nông dân xuống giống vụ Thu Đông - mùa theo lịch thời vụ, tăng cường công tác dự tính, dự báo, thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình sâu bệnh, hướng dẫn phòng trị kịp thời. Kết hợp địa phương tiếp tục chỉ đạo chuyển đổi diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây hàng năm khác, kết hợp nuôi thủy sản.

+ Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Tiếp tục khuyến cáo nông dân gieo trồng màu vụ mùa theo kế hoạch; phân công cán bộ chuyên môn theo dõi mô hình cánh đồng mẫu trên cây mía đường. Hướng dẫn nông dân chăm sóc, phòng trị các loại sâu bệnh gây hại.

- Chăn nuôi: Tập trung theo dõi, giám sát tình hình bệnh cúm gia cầm chưa qua 21 ngày, thực hiện tiêu độc khử trùng theo quy định; tuyên truyền, hướng dẫn các hộ chăn nuôi tự tiêm phòng cho đàn gia cầm theo chủ trương của UBND tỉnh, đồng thời, tiếp tục tiêm các loại vaccine thường xuyên cho đàn gia súc; thực hiện quản lý đàn vật nuôi thông qua hình thức cấp sổ chăn nuôi; kết hợp địa phương quản lý vịt chạy đồng trong điều kiện thu hoạch lúa Hè Thu; tăng cường công tác kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, vận chuyển gia súc, gia cầm xuất nhập tỉnh; tuyên truyền, hướng dẫn các hộ chăn nuôi, cơ sở giết mổ, kinh doanh sản phẩm động vật, áp dụng tích cực tham gia phòng chống dịch bệnh và vệ sinh tiêu độc khử trùng theo quy định. Tiếp tục triển khai xây dựng các điểm chăn nuôi tập trung, lò giết mổ tập trung theo quy hoạch. Triển khai thực hiện Kế hoạch tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Tổng hợp, xây dựng kế hoạch trình Bộ Nông nghiệp và PTNT thực hiện Quyết định 50/2014/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh để thực hiện trong năm 2016. Theo dõi tình hình triển khai của các nhà đầu tư chăn nuôi tập trung theo Giấy chứng nhận đầu tư của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Lâm nghiệp: Tiếp tục triển khai kế hoạch trồng rừng và trồng cây lâm nghiệp phân tán theo kế hoạch; hoàn chỉnh Phương án trồng rừng thay thế theo các ý kiến đóng góp của Hội đồng thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt; triển khai thực hiện tía thưa rừng giống tại ấp Phước Thiện, xã Đông Hải; tiếp tục hợp đồng khoán, bảo vệ rừng tại các huyện Cầu Ngang, Châu Thành và Duyên Hải, tổ chức tuyên truyền công tác bảo vệ và phát triển rừng; tăng cường tuần tra bảo vệ rừng, kiểm soát lâm sản và tình hình mua bán, vận chuyển động vật hoang dã.

c) Thủy sản: Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn khuyến cáo người dân thả nuôi các loại thủy sản nước ngọt có giá trị kinh tế; hướng dẫn nông dân chăm sóc đàn tôm, cá thả nuôi trong điều kiện mùa mưa; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và có biện pháp xử lý đối với các cơ sở cung ứng con giống, đặc biệt là đối với cơ sở ương dưỡng dịch vụ giống không đảm bảo điều kiện theo quy định; quản lý chặt chẽ kinh doanh thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, thức ăn dùng trong nuôi trồng thủy sản; kiểm tra điều kiện VSATTP đối với tàu cá, các cơ sở thu mua, sơ chế, bảo quản nguyên liệu thủy sản; tổ chức các cuộc tuyên truyền về Luật thủy sản và Quy phạm thực hành nuôi trồng thủy sản tốt Việt Nam (VietGAP) và khai thác bảo vệ nguồn lợi thủy sản; thực hiện thu mẫu giám sát tại các tuyến sông đầu

nguồn phục vụ nuôi thủy sản; hướng dẫn ngư dân trang bị đầy đủ các phương tiện cho tàu khai thác trước khi ra khơi trong mùa mưa bão.

#### d) Phát triển nông thôn:

- Triển khai kế hoạch kiểm tra các xã phấn đấu đến cuối năm 2015 đạt xã nông thôn mới; phối hợp với các Sở, ban ngành tỉnh kiểm tra kết quả thực hiện 19 tiêu chí và nhu cầu đầu tư các công trình trên địa bàn các xã đạt nông thôn mới năm 2015; theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện giải ngân các nguồn vốn trái phiếu Chính phủ và nguồn vốn sự nghiệp hỗ trợ trực tiếp cho Chương trình; triển khai tập huấn các chuyên đề về xây dựng nông thôn mới năm 2015; phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện 02 phóng sự về kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

- Dự án Di dân khẩn cấp vùng ven biển xã Trường Long Hòa: Trình phê duyệt kết quả chỉ định thầu thi công và thương thảo ký hợp đồng thi công hạng mục Đường giao thông nội bộ, hệ thống thoát nước khu dân cư. Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông bảo vệ 89 hộ dân khu vực thị trấn Tiểu Cần: lập hồ sơ yêu cầu hạng mục đoạn kè phía bên trái, dài 516m. Phối hợp UBND xã Trường Long Hòa về việc họp công bố danh sách và niêm yết danh sách các hộ được xét bố trí ổn định dân cư.

- Phối hợp các đơn vị đào tạo nghề rà soát nhu cầu học nghề của lao động và ký hợp đồng triển khai đào tạo, dự kiến ký hợp đồng 10 lớp; theo dõi, kiểm tra các lớp đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn đã khai giảng.

#### 2. Công tác chuyên ngành:

- Tiếp tục tổ chức 30 lớp tập huấn hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và nuôi thủy sản trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố; tiếp tục phân công cán bộ kỹ thuật xuống địa bàn, tư vấn trực tiếp cho nông dân; tiếp tục theo dõi, hướng dẫn nông dân thực hiện các mô hình: Trồng thanh long ruột tím hồng; trồng lan cắt cành; nuôi kết hợp tôm sú – cá rô phi; nuôi tôm thẻ, tôm sú theo tiêu chuẩn VietGAP; nuôi hàu treo giàn bè trên sông; chăn nuôi heo trên đệm lót sinh học có bổ sung men vi sinh hoạt tính trong thức ăn; chăn nuôi vịt biển thích ứng với biến đổi khí hậu...

- Tổ chức tuyên truyền Luật Thủy sản, các quy định của pháp luật về bảo vệ nguồn lợi thủy sản, an toàn vệ sinh thực phẩm nông sản, thủy sản, Nghị định số 67/2014/NĐ-CP về một số chính sách phát triển thủy sản, kinh doanh thuốc BVTV, thức ăn thủy sản và phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn cho nông, ngư dân trong mùa mưa bão.

- Tiếp tục thực hiện công tác thủy lợi nội đồng năm 2015; hoàn thành bản đồ bố trí công trình thủy lợi phục vụ xây dựng nông thôn mới các xã Châu Điền, Ninh Thới, Kim Hòa, Hòa Minh; chỉ đạo kiểm tra đê điều, thường xuyên kiểm tra mực nước trong nội đồng, vận hành cống ngăn triều cường, tiêu úng đảm bảo phục vụ tốt cho sản xuất; tổ chức họp Hội đồng thẩm định dự án Quy hoạch thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng các công trình duy tu bảo dưỡng đê điều năm 2015 và xây dựng kế hoạch thực hiện các công trình duy

tu bảo dưỡng đê điều năm 2016.

- Tiếp tục theo dõi tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và động vật thủy sản.

- Tổ chức triển khai tập huấn 07 lớp thành lập mới THT; 01 lớp củng cố THT; 02 lớp thành lập mới HTX; 07 lớp củng cố HTX trên địa bàn huyện Châu Thành, Duyên Hải, Càng Long, Cầu Kè và thành phố Trà Vinh.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các công trình xây dựng cơ bản thuộc kế hoạch vốn năm 2015 nhất là các dự án khởi công mới. Đồng thời đôn đốc các đơn vị tư vấn hoàn thành hồ sơ khảo sát thiết kế để lập thủ tục trình cấp thẩm quyền phê duyệt nhằm sớm triển khai thi công.

- Quản lý tốt tàu, xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu phí, lệ phí đúng qui định; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các dự án lâm sinh thuộc chương trình thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2014 – 2020 và phê duyệt rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chi tiết phát triển chăn nuôi, các khu vực chăn nuôi và giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tỉnh Trà Vinh đến năm 2020.

Trên đây là báo cáo tình hình công tác tháng 8, kế hoạch tháng 9 năm 2015 của ngành, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh năm, theo dõi, chỉ đạo./. *tr*

**Nơi nhận:**

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TP;
- Lưu: VT, KHTC.

**KS. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Ngọc Hải*

**BÁO CÁO 8 THÁNG ĐẦU NĂM**

**VỀ SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN**



Mã số	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ	KH vụ/năm 2015	Thực hiện tháng 8	Ước TH 8 tháng đầu năm 2015	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
A			4	1			3	4=3/1
<b>A</b>	<b>SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP</b>							
<b>I.</b>	<b>TRỒNG TRỌT</b>							
<b>1</b>	<b>Cây lúa</b>	Ha	96.784	157.000	12.684	92.723	95,80%	59,06%
	<b>Vụ Thu Đông-mùa</b>							
	- Diện tích	Ha	16.556	80.000	12.684	13.499,00	81,54%	16,87%
	- Năng suất	Tạ/ha		59,16				
	- Sản lượng	tấn		473.271				
	<b>Vụ Hè Thu</b>							
	- DT gieo sạ	Ha	80.228	77.000		79.224	98,75%	102,89%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	39.016	77.000	10.764	19.574	50,17%	25,42%
	- Năng suất	Tạ/ha	53,00	53,50	53,61	54,30	102,46%	101,50%
	- Sản lượng	tấn	206.766	411.950	57.707	106.290	51,41%	25,80%
<b>2</b>	<b>Cây màu</b>							
	<b>Diện tích gieo trồng</b>	Ha	<b>44.231</b>	<b>63.807</b>	<b>3.277</b>	<b>44.495</b>	<b>100,60%</b>	<b>69,73%</b>
	<b>Diện tích thu hoạch</b>	Ha	<b>36.532</b>	<b>63.807</b>	<b>4.107</b>	<b>36.397</b>	<b>99,63%</b>	<b>57,04%</b>
	<b>Cây bắp</b>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	4.141	7.150	266	4.334,8	104,68%	60,63%
	- Diện tích thu hoạch	"	3.450	7.150	111	3.528,0	102,26%	49,34%
	- Năng suất	Tạ/ha	54,80	54,50	56,6	56,9	103,78%	104,35%
	- Sản lượng	Tấn	18.906	38.968	629	20.063,8	106,12%	51,49%
<b>1.2.</b>	<b>Cây có củ</b>	Ha	<b>2.266</b>	<b>3.387</b>	<b>279</b>	<b>2.277,2</b>	<b>100,49%</b>	<b>67,23%</b>
	<b>Khoai lang</b>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.074	1.516	106	1.072,8	99,89%	70,76%
	+ Diện tích thu hoạch	"	792	1.516	6	787,8	99,47%	51,97%
	+ Năng suất	Tạ/ha	164,43	165,49	138,4	177,4	107,89%	107,20%
	+ Sản lượng	Tấn	13.023	25.089	86	13.976,2	107,32%	55,71%
	<b>Sắn</b>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	759	1.071	112	783,1	103,18%	73,12%
	+ Diện tích thu hoạch	"	452	1.071	12	504,3	111,57%	47,09%
	+ Năng suất	Tạ/ha	159	143,19	158,5	162,1	101,75%	113,19%
	+ Sản lượng	Tấn	7.200	15.336	195	8.174,0	113,52%	53,30%
	<b>Cây có củ khác</b>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	433	800	61	421,3	97,29%	52,66%
	+ Diện tích thu hoạch	"	312	800	51	298,4	95,64%	37,30%
<b>1.3.</b>	<b>Cây thực phẩm</b>	Ha	<b>23.403</b>	<b>36.230</b>	<b>2.229</b>	<b>24.064</b>	<b>102,82%</b>	<b>66,42%</b>
	<b>Rau các loại</b>							
	+ DT gieo trồng	Ha	22.782	35.430	2.206	23.335	102,43%	65,86%
	+ Diện tích thu hoạch	"	18.320	35.430	3.161	18.418,0	100,53%	51,98%
	+ Năng suất	Tạ/ha	215,6	223,00	216,0	221,5	102,72%	99,31%
	+ Sản lượng	Tấn	394.979	790.089	68.276	407.896	103,27%	51,63%
	<b>Đậu các loại</b>							
	+ DT gieo trồng	Ha	621	800	23	728,9	117,37%	91,11%
	+ Diện tích thu hoạch	"	502	800	8	656,2	130,72%	82,03%
	+ Năng suất	Tạ/ha	17,20	16,50	18,4	16,7	97,37%	101,50%
	+ Sản lượng	Tấn	863	1.320	14	1.099,0	127,28%	83,26%
<b>1.4</b>	<b>Cây công nghiệp hàng năm</b>		<b>14.421</b>	<b>17.040</b>	<b>504</b>	<b>13.820</b>	<b>95,83%</b>	<b>81,10%</b>
	<b>Đậu phộng</b>	Ha						

Mã số	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ	KH vụ/năm 2015	Thực hiện tháng 8	Ước TH 8 tháng đầu năm 2015	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	4.096	5.640	84	4.207,3	102,72%	74,60%
	+ Diện tích thu hoạch		3.814	5.640	25	3.839,0	100,66%	68,07%
	+ Năng suất	Tạ/ha	50,6	53,75	53,7	53,3	105,16%	99,07%
	+ Sản lượng	Tấn	19.314	30.315	135	20.443,8	105,85%	67,44%
	<b>Mía</b>							
	+ Diện tích trồng	Ha	6.428	6.300	-	5.941	92,42%	94,30%
	Trong đó: DT trồng mới	"						
	+ Diện tích thu hoạch	"	5.842	6.300	425	5.397,0	92,38%	85,67%
	+ Năng suất	Tạ/ha	1.078	1.120	1.096,9	1.097,0	101,78%	97,95%
	+ Sản lượng	Tấn	629.647	705.600	46.634	592.050,0	94,03%	83,91%
	<b>Cây lác (cói)</b>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	2.063	2.800	192	1.882,5	91,25%	67,23%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.495	2.800	104	1.407,0	94,11%	50,25%
	+ Năng suất	Tạ/ha	99,5	98,00	98,01	109,8	110,35%	112,04%
	+ Sản lượng	Tấn	14.875	27.440	1.017	15.449,0	103,86%	56,30%
	<b>Cây trồng khác</b>	"						
	DT gieo trồng	ha	1.834	2.300	228	1.789	97,55%	77,78%
	DT thu hoạch	ha	1.553	2.300	204	1.561	100,52%	67,87%
<b>2</b>	<b>Cây lâu năm</b>							
<b>II</b>	<b>CHĂN NUÔI</b>							
<b>B</b>	<b>LÂM NGHIỆP</b>							
<b>1.</b>	<b>Lâm sinh</b>							
<b>1.1.</b>	DT rừng trồng tập trung	Ha	7,4	130				
	Trong đó:							
	- Rừng phòng hộ	"	7,4	130				
	- Rừng đặc dụng	"						
	- Rừng sản xuất	"						
	DT trồng lại sau khai thác	Ha						
<b>1.2.</b>	DT rừng trồng được chăm sóc	Ha		314				
<b>1.3.</b>	DT khoanh nuôi tái sinh	Ha		65				
<b>1.4.</b>	DT giao khoán bảo vệ	Ha		4.793				
<b>1.5.</b>	Số cây lâm nghiệp phân tán	1000 cây		1.000				
<b>2.</b>	<b>Khai thác</b>							
	- Sản lượng gỗ khai thác	m <sup>3</sup>						
	Trong đó: Gỗ rừng trồng	"						
<b>C</b>	<b>DIÊM NGHIỆP</b>							
<b>D</b>	<b>THỦY SẢN</b>							
<b>1.</b>	<b>Tổng diện tích nuôi</b>	Ha	<b>44.081</b>	<b>44.418</b>	<b>4.266,8</b>	<b>37.439</b>	<b>84,93%</b>	<b>84,29%</b>
<b>1.1.</b>	<b>Nuôi nước ngọt</b>	"	<b>3.415</b>	<b>3.518</b>	<b>2.406,5</b>	<b>2.695</b>	<b>78,92%</b>	<b>76,61%</b>
	- Diện tích nuôi cá	"	2.343,690	2.018,280	1.722,7	1.884,180	80,39%	93,36%
	Trong đó: cá tra, cá ba sa	"	14,05	40	0,6	3	21,28%	7,48%
	+ Cá lóc	"	199,68	290	33,8	193	96,61%	66,52%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	1071,45	1.500	683,8	811	75,70%	54,07%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	1071,45	1.500	683,8	811	75,70%	54,07%
	- Diện tích nuôi khác	"						
<b>1.2.</b>	<b>Nuôi nước mặn, lợ</b>	Ha	<b>40.666</b>	<b>40.900</b>	<b>1.860,3</b>	<b>34.744</b>	<b>85,44%</b>	<b>84,95%</b>
	- Diện tích nuôi cá	"						
	Trong đó: + cá giò, cá song	"						
	+ ...	"						
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	39.921	38.700	1.860,3	34.719	86,97%	89,71%
	Trong đó: + Tôm sú	"	19.392	19.900	501,9	19.125	98,62%	96,11%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	4.965	5.000	809,2	4.139	83,37%	82,78%

Mã số	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ	KH vụ/năm 2015	Thực hiện tháng 8	Ước TH 8 tháng đầu năm 2015	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Cua biển		15.564	13.800	549,2	11.455	73,59%	83,00%
	- Diện tích nuôi khác (nghêu - sò huyết)		745	2.200	-	25	0	1,14%
<b>2.</b>	<b>Thể tích nuôi lồng, bè</b>							
	- Nuôi cá	"						
	- Nuôi giáp xác	"						
	- Nuôi nhuyễn thể	"						
<b>3.</b>	<b>Sản lượng con giống SX</b>	Triệu con						
	- Cá giống	"						
	- Tôm giống	"						
	- Nhuyễn thể giống	"						
<b>4</b>	<b>Tổng sản lượng thủy sản</b>	Tấn	<b>126.337</b>	<b>204.925</b>	<b>11.763,3</b>	<b>99.638</b>	<b>78,87%</b>	<b>48,62%</b>
<b>4.1</b>	<b>Tổng sản lượng nuôi</b>	Tấn	<b>73.463</b>	<b>121.925</b>	<b>8.200,1</b>	<b>51.234</b>	<b>69,74%</b>	<b>42,02%</b>
<b>4.1.1</b>	<b>Nuôi nước ngọt</b>	Tấn	<b>38.760</b>	<b>65.500</b>	<b>2.961,4</b>	<b>27.007</b>	<b>69,68%</b>	<b>41,23%</b>
	- Sản lượng cá	"	38.468	65.000	2.951,4	26.685	69,37%	41,05%
	Trong đó: Cá tra, cá ba sa	"	6.953	15.500	-	2.334	33,57%	15,06%
	+ Cá lóc		20.459	29.500	1.773,5	16.548	80,88%	56,09%
	- Sản lượng giáp xác	"	291	500	10,0	322	110,57%	64,45%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	291	500	10,0	322	110,57%	64,45%
	- Sản lượng thủy sản khác	"						
<b>4.1.2.</b>	<b>Nuôi nước mặn, lợ</b>	Tấn	<b>34.703,3</b>	<b>56.425,0</b>	<b>5.238,6</b>	<b>24.227</b>	<b>69,81%</b>	<b>42,94%</b>
	- Sản lượng cá nuôi	"						
	Trong đó: Cá giò, cá song	"						
	...							
	- Sản lượng giáp xác nuôi	"	34.027	50.425	5.011,3	23.371	68,68%	46,35%
	Trong đó: + Tôm sú	"	9.906	14.925	2.380,9	8.049,4	81,26%	53,93%
	+ Tôm chân trắng	"	18.870	25.500	2.266,9	11.676	61,87%	45,79%
	+ Nuôi cua biển	"	5.251	10.000	363,5	3.646	69,43%	36,46%
	- Sản lượng thủy sản khác (nghêu - sò huyết)	"	676	6.000	227,3	856,00	126,59%	14,27%
<b>4.2</b>	<b>Tổng sản lượng khai thác</b>	Tấn	<b>52.874</b>	<b>83.000</b>	<b>3.563,3</b>	<b>48.404</b>	<b>91,55%</b>	<b>58,32%</b>
<b>4.2.1.</b>	<b>Khai thác biển</b>	Tấn	<b>44.017</b>	<b>68.500</b>	<b>2.979,7</b>	<b>41.182</b>	<b>93,56%</b>	<b>60,12%</b>
	+ Sản lượng cá khai thác	Tấn	19.389	27.000	1.363,0	17.625,16	90,90%	65,28%
	Trong đó: - Loài ....	"						
	- ...	"						
	+ Sản lượng giáp xác khai thác	Tấn	7.505	8.500	756,8	5.951,86	79,30%	70,02%
	Trong đó: - Tôm...	"						
	- ...	"						
	+ SL nhuyễn thể khai thác	Tấn						
	Trong đó: - Loài ....	"						
	- ...	"						
	+ SL hải sản khác khai thác	"	17.123	33.000	860,0	17.605	102,82%	53,35%
<b>4.2.2</b>	<b>Khai thác nội địa</b>	Tấn	<b>8.857</b>	<b>14.500</b>	<b>583,6</b>	<b>7.222</b>	<b>81,54%</b>	<b>49,81%</b>
	Trong đó: - Cá các loại	"	3.835	6.800	264,3	3.414	89,02%	50,21%
	- Tôm các loại	"	3.025	4.700	168,8	2.635	87,10%	56,06%
	- Nhuyễn thể các loại	"						
	- Giáp xác các loại (không kể tôm)	"						
	- Thủy sản khác	"	1.996	3.000	150,5	1.172,33	58,74%	39,08%